

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số của Ban Dân tộc năm 2024

Thực hiện Công văn số 18613/UBND-CNTT ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; Ban Dân tộc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Thực hiện Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Ban Dân tộc đã xây dựng Kế hoạch để tổ chức, triển khai thực hiện. Lãnh đạo Ban luôn quan tâm đối với việc ứng dụng và phát triển CNTT và xác định về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của ngành.

Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 1204/KH-BDT ngày 08/12/2022 về thực hiện chuyển đổi số của Ban Dân tộc năm 2023; Quyết định số 107/QĐ-BDT ngày 12/10/2023 về việc kiện toàn Tổ công tác chuyển đổi số Ban Dân tộc Thanh Hóa; Tổ chức phổ biến, nâng cao nhận thức đến công chức về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức về sử dụng DVC trực tuyến và brư chính công ích để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh biết và sử dụng.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

Ban đã ban hành Quyết định số 107/QĐ-BDT ngày 12/10/2023 về việc kiện toàn Tổ công tác chuyển đổi số Ban Dân tộc Thanh Hóa; Kế hoạch số 1204/KH-BDT ngày 08/12/2022 về thực hiện chuyển đổi số của Ban Dân tộc năm 2023. Tham gia các Hội nghị về công tác tổ chức thực hiện chuyển đổi số của tỉnh; tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc ứng dụng và phát triển CNTT và xác định về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong hoạt động phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước... thông qua các Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, lồng ghép vào các cuộc tuyên truyền phổ, phổ biến giáo dục pháp luật... viết tin, bài của ngành, của tỉnh về chuyển đổi số đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

b) Tồn tại, hạn chế

Kinh phí chi cho công tác tuyên truyền, nhận thức về chuyển đổi số, kinh phí chi cho tổ chức các hội nghị, hội thảo còn hạn chế.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được: Tạo điều kiện để công chức và người lao động của Ban tích cực tham gia vào nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động của ngành; tuyên truyền sáng kiến, cách làm hay về chuyển đổi số thông qua các hội nghị, các website, các mạng xã hội zalo, facebook,...

b) Tồn tại, hạn chế: công chức và người lao động chưa chủ động tìm hiểu, ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao Ban Dân tộc đã tham gia ý kiến vào các văn bản của HĐND, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số.

Thành lập BCĐ chuyển đổi số, chính quyền điện tử; thực hiện đúng quy định Quy chế hoạt động Trang Thông tin điện tử, Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm và nhiều văn bản chỉ đạo việc ứng dụng CNTT như: Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, sử dụng địa chỉ thư điện tử công vụ; ứng dụng Chữ ký số; các phần mềm chuyên ngành, triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) Tồn tại, hạn chế: Chưa chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch đề ra.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

a) Kết quả đạt được

Ban đã ban hành Quyết định số 107/QĐ-BDT ngày 12/10/2023 về việc kiện toàn Tổ công tác chuyển đổi số Ban Dân tộc Thanh Hóa.

Tổ công tác đã kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của các phòng, đơn vị theo chương trình, đề án đã được phê duyệt, tham mưu, phối hợp với các phòng chuyên môn trong việc lựa chọn nhà cung cấp các dịch vụ, các doanh nghiệp số; Tham mưu cho Lãnh đạo Ban cử công chức tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho công chức và người lao động của Ban.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Tuy nhiên, cần phải có thời gian nghiên cứu chuyên sâu cũng như cần có sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị chuyên trách về công nghệ số.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

Tỷ lệ máy tính/số công chức đạt 01 máy tính/01 công chức (100%) đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn, tham mưu văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; máy tính của công chức được cài đặt phần mềm diệt virus.

Hệ thống mạng nội bộ kết nối kết nối internet băng thông rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cấp độ 2 theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ

b) Tồn tại, hạn chế: Nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp và phát triển thiết bị CNTT, hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế.

4. Dữ liệu số

Triển khai, thực hiện có hiệu quả các cơ sở dữ liệu do Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh triển khai như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ; cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính; cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; phần mềm báo cáo thống kê lĩnh vực công tác dân tộc.

5. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được: Ban đã bố trí 01 cán bộ có trình độ sau đại học CNTT làm công tác Quản trị mạng, CNTT tại Văn phòng; có đủ năng lực chuyên môn phục vụ công tác vận hành, khai thác hệ thống mạng, là đầu mối tham mưu cho Lãnh đạo Ban trong công tác chỉ đạo và phát triển ứng dụng CNTT của cơ quan.

Tăng cường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh, Viễn thông Thanh Hóa, Bưu điện Thanh Hóa tập huấn nhận thức, kỹ năng về CNTT, chuyển đổi số cho công chức cơ quan.

b) Tồn tại, hạn chế: Chuyển đổi số là vấn đề mới, nên việc tham mưu các

kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số còn hạn chế.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được: Công tác đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin được quan tâm. Hệ thống mạng LAN của Ban hoạt động ổn định. 100% máy tính trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ban kết nối với hệ thống mạng, hệ thống mạng dùng chung của UBND tỉnh và được cài đặt phần mềm diệt virus.

Hệ thống an toàn an ninh thông tin của Ban được đảm bảo. Ban đã áp dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác quản lý và điều hành như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thư điện tử công vụ; cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính; cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử; ngoài ra, 100% công chức, người lao động tại cơ quan Ban được cấp sử dụng email công vụ. Việc lưu trữ hồ sơ đã được Ban đã thực hiện số hóa trên phần mềm Quản lý hồ sơ và công việc của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho công tác lưu trữ, tra cứu văn bản, hồ sơ.

b) Tồn tại, hạn chế: Kinh phí chi cho an toàn, an ninh mạng còn hạn chế.

7. Chính quyền số

Triển khai thực hiện 100% việc gửi, nhận văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc. 100% công chức được cấp hộp thư điện tử công vụ để thực hiện trao đổi thông tin, tài liệu, phục vụ công tác chuyên môn. Ban quán triệt các phòng chuyên môn thường xuyên truy cập kiểm tra, theo dõi, thực hiện xử lý và giải quyết đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao cho đơn vị trên các phần mềm dùng chung của (Hệ thống Theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh; hệ thống báo cáo chính phủ và Hệ thống báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng...).

Triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp: Tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Ban là 03 thủ tục hành chính và được thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả thực hiện trực tuyến trên phần mềm hành chính công của tỉnh đạt 100% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

8. Kinh phí thực hiện

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Ban Dân tộc năm 2023 là: 56.000.000 đồng.

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Nghị quyết số 214/2022/HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND về ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022- 2026;

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 về phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Chương trình số 54/CTr-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 10/11/2021 về truyền thông hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 27/8/2021 về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông

ng nghiệp, nông thôn và bảo đảm cung cấp hàng hóa thiết yếu trong tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 31/3/2022 về ban hành Kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Thanh Hoá;

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 29/4/2022 về ban hành kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 25/4/2022 triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 4216/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

II. MỤC TIÊU

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan gắn với công tác cải cách hành chính nhằm mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, nhằm thúc đẩy cải cách hành chính góp phần đẩy nhanh việc xây dựng nền hành chính hiện đại và phát triển.

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin một cách đồng bộ, sử dụng có hiệu quả các phần mềm ứng dụng chuyên ngành nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, điều hành nhằm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số của Ban Dân tộc, hướng tới xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tỉnh Thanh Hóa.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về ứng dụng CNTT nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức thành hành động trong công chức; tạo phong cách làm việc dựa trên văn bản, tài liệu điện tử trên môi trường mạng. Tổ chức các Hội nghị, hội thảo để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; Hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

- Kết hợp, gắn công tác ứng dụng CNTT cùng với công tác cải cách hành chính và tiếp tục xây dựng, đưa vào ứng dụng nền hành chính điện tử của ngành Dân tộc.

- Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước do Ban quản lý. Ban hành các quy định về cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin trong cơ quan Ban.

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa sự tham gia trực tiếp của lãnh đạo Ban, vai trò

của lãnh đạo cấp phòng trong việc đưa ứng dụng CNTT vào phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng các công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực dân tộc. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Tạo điều kiện để công chức và người lao động của Ban tích cực tham gia vào nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động của Ngành.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số” trên Zalo

Tiếp tục phối hợp, hướng dẫn công chức, lao động cơ quan tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

2. Thể chế số

Cập nhật, kịp thời phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin của Chính phủ, của UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc. Xây dựng hành lang pháp lý để gắn việc cải cách hành chính với ứng dụng công nghệ thông tin. Xây dựng các quy chế, quy định trong việc quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các phần mềm chuyên ngành.

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo

3. Hạ tầng số

- 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi công bố của Ban được cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4; 100% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của Ban được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, của Ban Dân tộc và trên Trang thông tin điện tử của Ban.

- Đầu tư, bổ sung, thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật (máy trạm, mạng máy tính, hệ thống bảo mật, an ninh mạng, phần mềm bản quyền...) bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan.

- Tiếp tục triển khai, sử dụng chữ ký số cá nhân trong giải quyết hồ sơ công việc, TTHC vào hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan (đảm bảo 100% văn bản phát hành được ký số).

4. Dữ liệu số

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của cơ quan; xây dựng phát triển các ứng dụng, phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ; các phần mềm phục vụ công tác dân tộc như:

báo cáo thống kê công tác dân tộc.

5. Nền tảng số

- Triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, bảo đảm khả năng kết nối hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet, bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục hành chính.

- Rà soát cập nhật đầy đủ kịp thời danh mục thủ tục hành chính; phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho người dân và tổ chức.

6. Nhân lực số

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định mới của nhà nước về CNTT cho công chức cơ quan để nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT.

- Phối hợp, tham gia đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn, an ninh thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành đảm bảo đúng quy định. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin được giao quản lý.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho công chức, người lao động trong cơ quan.

7.2. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp.

7.3. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các công chức, người lao động.

- Xây dựng các hệ thống giám sát, sao lưu dữ liệu... đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin được giao quản lý

8. Chính quyền số

Tiếp tục tham mưu đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị hệ thống hợp

trực tuyến, hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tại Ban. Tiếp tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

9. Kinh tế số

Tham mưu triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở hộ kinh doanh ngành nghề truyền thống, đơn vị kinh tế tập thể HTX sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng. Thực hiện tuyên truyền về mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số trong lĩnh vực công tác dân tộc. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

10. Xã hội số

Tiếp tục duy trì ổn định hoạt động hạ tầng kỹ thuật mạng LAN, đường truyền mạng Internet tốc độ cao, các thiết bị thiết yếu phục vụ cho nhu cầu ứng dụng CNTT; đảm bảo các thiết bị CNTT thực hiện vận hành tốt để phục vụ cho công tác chuyên môn. Chủ động đầu tư, ứng dụng CNTT để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành, phù hợp với mục tiêu của tỉnh, đáp ứng được cơ bản nhu cầu cho việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của Ban.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về ứng dụng CNTT nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức thành hành động trong cán bộ, công chức; tạo phong cách làm việc dựa trên văn bản, tài liệu điện tử trên môi trường mạng.

- Kết hợp, gắn công tác ứng dụng CNTT cùng với công tác cải cách hành chính và tiếp tục xây dựng, đưa vào ứng dụng nền hành chính điện tử trong lĩnh vực công tác dân tộc;

- Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước do Ban quản lý. Ban hành các quy định về cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin trong cơ quan Ban;

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa sự tham gia trực tiếp của Lãnh đạo Ban, vai trò của lãnh đạo phòng chuyên môn trong việc đưa ứng dụng CNTT vào phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Phát triển mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

- Duy trì hiệu quả hoạt động Trang thông tin điện tử của Ban. Đảm bảo số lượng tin, bài cập nhật hằng tháng trên Trang thông tin của Ban theo đúng theo quy định; trả lời đầy đủ các câu hỏi hợp lệ trên Chuyên mục Hỏi - Đáp.

- Duy trì sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử phục vụ quản lý, điều hành và phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Thường xuyên cập nhật thông tin, quy trình về dịch vụ công trực tuyến của Ban trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Tiếp tục triển khai phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông; triển khai dịch vụ hành chính công ở mức độ cao, liên thông, tích hợp với các phần mềm chuyên ngành.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Nghiên cứu, hợp tác để ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Cập nhật, kịp thời phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin của Chính phủ, của UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc. Xây dựng hành lang pháp lý để gắn việc cải cách hành chính với ứng dụng công nghệ thông tin. Xây dựng các quy chế, quy định trong việc quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng các phần mềm chuyên ngành;

- Thực hiện chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ; ban hành các văn bản, quy chế về việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ban hành các quy định và tiêu chuẩn cụ thể về việc sử dụng CNTT đối với cán bộ, công chức.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án về ứng dụng và phát triển CNTT. Thu hút mọi nguồn lực cho ứng dụng CNTT; kết hợp đầu tư mới với việc chuyển giao công nghệ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các hệ thống CNTT làm nền tảng.

Đảm bảo nguồn kinh phí ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của cơ quan nhà nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách của tỉnh, trung ương bố trí cho việc triển khai các chương trình dự án và các nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ban

- Chủ trì tổ chức, phối hợp với các phòng chuyên môn trong cơ quan triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Tăng cường vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, thường xuyên kiểm tra, giám sát, thẩm định kỹ thuật và đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; đề xuất các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình lãnh đạo Ban;

- Hỗ trợ người sử dụng trong các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ;

- Quản lý, vận hành Trang thông tin điện tử của Ban Dân tộc đảm bảo an toàn thông tin.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để xem xét, tháo gỡ.

2. Các phòng chuyên môn cơ quan Ban

- Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ban trong việc triển khai Kế hoạch này. Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của phòng đạt hiệu quả cao.

- Thực hiện ra soát, công bố thủ tục hành chính mới, bổ sung, bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý, giải quyết theo quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Ban trong việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về hoạt động, chuyên môn nghiệp vụ trên Trang thông tin điện tử của Ban.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (Kèm theo phụ lục)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Ban Dân tộc;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Mai Xuân Bình

PHỤ LỤC**Nhiệm vụ thực hiện Chuyển đổi số năm 2024***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BDT ngày tháng 12 năm 2023 của Ban Dân tộc)*

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm chính	Tiến độ thực hiện	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Xây dựng phòng họp trực tuyến và phần mềm báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Hệ thống phòng họp trực tuyến, phần mềm ứng dụng	Năm 2024	Văn phòng	<p>1. Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 5) và điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2022, năm 2023 (đợt 3) của một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;</p> <p>2. Kết luận số 2587-KL/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh về điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 5) và điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương năm 2022, năm 2023</p>

STT	Nội dung công việc	Sản phẩm chính	Tiến độ thực hiện	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
					(đợt 3) của một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
2	Xây dựng Bộ từ điển tiếng dân tộc và đào tạo dạy tiếng dân tộc từ xa cho cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng Dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và biên giới, hải đảo	Phần mềm trực tuyến và Bộ từ điển tiếng dân tộc H'mông, Dao, Thái, Mường	Năm 2024-2025	Văn phòng	Kế hoạch số 272/KHUBND, ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh;
3	Duy trì hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan Ban	Thiết bị, linh kiện máy tính, máy in, thiết bị mạng, máy scan...	Năm 2024	Văn phòng	